

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH VÀ THIẾT BỊ GIÁO DỤC MIỀN NAM

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán
cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018



MỤC LỤC

	Trang
1. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 4
2. Báo cáo kiểm toán độc lập	5 - 6
3. Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	
- Bảng cân đối kế toán	7 - 8
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	9
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10
- Bản thuyết minh báo cáo tài chính	11 - 41

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam (dưới đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán bởi các kiểm toán viên độc lập.

1. Thông tin chung

Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam (sau đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nay là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) và đăng ký thuế số 0309902130 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 02/4/2010. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 7 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 09/2/2015. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

2. Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng đã điều hành hoạt động của Công ty trong suốt kỳ kế toán và đến ngày lập Báo cáo tài chính gồm các vị như sau:

Hội đồng quản trị

- Ông Đỗ Thành Lâm	Chủ tịch	
- Bà Đỗ Thị Mai Anh	Thành viên	
- Bà Nguyễn Mai Hoa	Thành viên	
- Ông Vũ Bùi Biển	Thành viên (Từ nhiệm ngày 19/03/2018)	(i)
- Ông Phạm Cảnh Toàn	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 9/4/2018)	(ii)
- Ông Nguyễn Thành Anh	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 9/4/2018)	(ii)

(i) Theo Nghị quyết số 02/NQ-HĐQT ngày 19/3/2018 của Hội đồng quản trị.

(ii) Theo Nghị quyết số 101/NQ-ĐHĐCĐ ngày 09/04/2018 của Đại hội đồng cổ đông.

Ban Kiểm soát

- Ông Trần Lê Quang	Trưởng ban
- Bà Dương Vân Nhung	Thành viên
- Ông Hồ Anh Tuấn	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

- Bà Đỗ Thị Mai Anh	Tổng Giám đốc
- Bà Nguyễn Thị Thu	Phó Tổng Giám đốc (Từ nhiệm ngày 01/01/2018) (iii)
- Ông Trần Lê Quang	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 02/01/2019) (iv)
- Ông Phạm Cảnh Toàn	Phó Tổng Giám đốc
- Bà Nguyễn Mai Hoa	Kế toán trưởng

(iii) Theo Thông báo số 499/TB-TCHC ngày 13/12/2017 của Tổng giám đốc.

(iv) Theo Quyết định số 03/QĐ- HĐQT ngày 02/01/2019 của Hội đồng quản trị.

1406
NG
HIỆM
K
T N
AN

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

3. Trụ sở

Công ty có trụ sở tại: 231 Nguyễn Văn Cừ, phường 4, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh

Chi tiết tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ kế toán cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đã được kiểm toán đính kèm.

5. Các khoản bất thường và sự kiện phát sinh sau niên độ

Đến ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám Đốc cho rằng không có sự kiện nào có thể làm cho các số liệu và thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty bị phản ánh sai lệch.

6. Công ty kiểm toán

Công ty TNHH PKF Việt Nam được chỉ định là đơn vị thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 của Công ty.

7. Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính và đảm bảo Báo cáo tài chính đã được kiểm toán đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty. Để lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc Công ty được yêu cầu:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi giả thuyết Công ty sẽ tiếp tục hoạt động không còn phù hợp.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính và nhận thấy không có vấn đề bất thường xảy ra có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của doanh nghiệp.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo số kế toán được ghi chép đầy đủ, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty và đảm bảo Báo cáo tài chính của Công ty được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán

40 / TỶ HỮU SĨ AI

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho các tài sản và đã thực hiện các biện pháp phù hợp để ngăn ngừa và phát hiện sai sót và các trường hợp vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty xác nhận rằng Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 của Công ty đã được lập theo đúng các yêu cầu nêu trên.

Ngoài ra, Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC, ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

8. Ý kiến của Ban Tổng Giám đốc

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty, Báo cáo tài chính đã được kiểm toán (đính kèm) đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày và được lập phù hợp các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính đã được kiểm toán.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 3 năm 2019

THAY MẶT BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

TỔNG GIÁM ĐỐC *Đỗ Thị Mai Anh*



Đỗ Thị Mai Anh

Số: 13 /2019/BCKT-PKF.NHN

Hà Nội, ngày 11 tháng 3 năm 2019

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 của Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam được lập ngày 11 tháng 3 năm 2019 bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được trình bày từ trang 7 đến trang 41 kèm theo.

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán đã được kiểm toán này không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính đã được kiểm toán và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam và được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán khác. Kiểm toán viên này đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính này tại ngày 02 tháng 03 năm 2018.

Đại diện cho Công ty TNHH PKF Việt Nam



Chu Quang Tùng
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 1022-2018-242-1

Hoàng Văn Anh
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 2917-2019-242-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018	01/01/2018
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		65.286.201.385	52.836.013.845
Tiền và tương đương tiền	110	5.1	15.029.070.368	5.916.176.120
Tiền	111		9.029.070.368	5.916.176.120
Các khoản tương đương tiền	112		6.000.000.000	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		24.252.314.233	18.649.042.895
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	16.282.455.423	18.315.975.692
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.3	858.628.960	183.177.824
Phải thu ngắn hạn khác	136	5.4	8.093.343.301	921.610.523
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	5.5	(982.113.451)	(771.721.144)
Hàng tồn kho	140	5.6	23.420.667.022	27.073.059.480
Hàng tồn kho	141		24.086.647.713	27.270.892.198
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		(665.980.691)	(197.832.718)
Tài sản ngắn hạn khác	150		2.584.149.762	1.197.735.350
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.7	2.581.149.762	1.118.136.477
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.13	3.000.000	79.598.873
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		23.999.426.006	37.120.203.455
Các khoản phải thu dài hạn	210		14.819.913.266	14.819.913.266
Phải thu dài hạn khác	216	5.4	14.819.913.266	14.819.913.266
Tài sản cố định	220		1.507.733.167	1.241.928.525
TSCĐ hữu hình	221	5.8	1.507.733.167	1.241.928.525
- Nguyên giá	222		4.708.509.331	4.136.279.213
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(3.200.776.164)	(2.894.350.688)
TSCĐ vô hình	227	5.9	-	-
- Nguyên giá	228		34.000.000	34.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(34.000.000)	(34.000.000)
Bất động sản đầu tư	230		-	12.328.050.000
- Nguyên giá	231		-	12.328.050.000
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		-	-
Đầu tư tài chính dài hạn	250	5.10	6.889.170.001	7.269.730.908
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		3.329.000.000	3.329.000.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		4.000.000.000	4.000.000.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		(439.829.999)	(59.269.092)
Tài sản dài hạn khác	260		782.609.572	1.460.580.756
Chi phí trả trước dài hạn	261	5.7	782.609.572	1.460.580.756
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		89.285.627.391	89.956.217.300

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
 Ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mẫu số B 01 – DN

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018	01/01/2018
NỢ PHẢI TRẢ	300		24.641.220.861	28.632.116.190
Nợ ngắn hạn	310		24.641.220.861	28.452.116.190
Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.11	12.021.299.342	20.755.586.240
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.12	1.258.201.139	310.447.421
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.13	971.861.177	587.060.446
Phải trả người lao động	314		1.178.104.802	719.114.403
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.14	3.658.354.344	115.157.750
Phải trả ngắn hạn khác	319	5.15	4.531.838.318	4.647.296.696
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.021.561.739	1.317.453.234
Nợ dài hạn	330		-	180.000.000
Phải trả dài hạn khác	337	5.15	-	180.000.000
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	5.16	64.644.406.530	61.324.101.110
Vốn chủ sở hữu	410		64.644.406.530	61.324.101.110
Vốn góp của chủ sở hữu	411		44.050.000.000	44.050.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		44.050.000.000	44.050.000.000
Cổ phiếu quỹ (*)	415		(200.000.000)	(200.000.000)
Quỹ đầu tư phát triển	418		9.759.915.604	8.796.752.426
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		11.034.490.926	8.677.348.684
- LNST chưa PP lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		4.292.348.684	2.453.145.150
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		6.742.142.242	6.224.203.534
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		89.285.627.391	89.956.217.300

TP. Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 3 năm 2019

NGƯỜI LẬP BIỂU



Huỳnh Thị Mỹ Duyên

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Nguyễn Mai Hoa

TỔNG GIÁM ĐỐC



Đỗ Thị Mai Anh

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Mẫu số B 02 – DN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

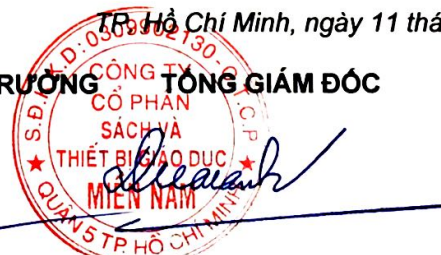
CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2018	Năm 2017
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	414.596.719.166	383.503.534.463
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	6.1	831.648.678	962.075.688
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	6.1	413.765.070.488	382.541.458.775
Giá vốn hàng bán	11	6.2	355.723.267.326	332.440.438.681
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10 - 11)	20		58.041.803.162	50.101.020.094
Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	965.087.466	405.901.639
Chi phí tài chính	22	6.4	919.900.074	682.158.339
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	46.083.300
Chi phí bán hàng	24	6.5	29.445.003.924	24.083.461.677
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	6.5	17.166.002.394	15.690.830.227
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		11.475.984.236	10.050.471.490
Thu nhập khác	31	6.6	1.365.648.569	1.636.242.378
Chi phí khác	32	6.7	714.530.035	577.694.696
Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		651.118.534	1.058.547.682
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		12.127.102.770	11.109.019.172
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.8	2.495.470.994	2.217.299.834
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)	60		9.631.631.776	8.891.719.338
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.9	1.757	1.622
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	6.9	1.757	1.622

TP. Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 3 năm 2019

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG TỔNG GIÁM ĐỐC






Huỳnh Thị Mỹ Duyên

Nguyễn Mai Hoa

Đỗ Thị Mai Anh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Theo phương pháp trực tiếp)
 Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mẫu số B 03 – DN

Đơn vị: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Năm 2018	Năm 2017
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	1	391.110.943.319	384.806.137.334
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	2	(352.910.391.489)	(357.405.751.082)
3. Tiền chi trả cho người lao động	3	(15.363.270.332)	(14.437.681.787)
4. Tiền lãi vay đã trả	4	-	(46.083.300)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	5	(2.726.379.615)	(2.274.878.122)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	6	1.027.577.662	2.601.954.043
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	7	(22.991.606.194)	(9.146.112.485)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(1.853.126.649)	4.097.584.601
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(140.411.936)	(351.699.999)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	14.580.000.000	1.620.000.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(11.500.000.000)	(2.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	11.500.000.000	2.000.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	911.432.833	405.901.639
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	15.351.020.897	1.674.201.640
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
3. Tiền thu từ đi vay	33	-	1.500.000.000
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	-	(1.500.000.000)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(4.385.000.000)	(4.385.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(4.385.000.000)	(4.385.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50	9.112.894.248	1.386.786.241
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	5.916.176.120	4.529.389.879
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	15.029.070.368	5.916.176.120

TP. Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 3 năm 2019

NGƯỜI LẬP BIỂU

Huỳnh Thị Mỹ Duyên

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Nguyễn Mai Hoa



TỔNG GIÁM ĐỐC

Đỗ Thị Mai Anh

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn:

Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nay là giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) và đăng ký thuế số 0309902130 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành Phố Hồ Chí Minh cấp ngày 02/4/2010. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 7 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và lần thay đổi gần nhất vào ngày 09/02/2015. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

Vốn điều lệ: 44.050.000.000 đồng.

Cổ phiếu của Công ty đã được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán SMN theo Quyết định số 219/QĐ-SGDHN ngày 20/04/2015. Ngày giao dịch đầu tiên của cổ phiếu SMN là ngày 14/07/2015.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính:

Ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình. Chi tiết: Bán buôn sách, báo tạp chí (có nội dung được phép lưu hành); văn phòng phẩm. Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự;
- In ấn (không hoạt động tại trụ sở) ;
- Dịch vụ liên quan đến in;
- Bán lẻ sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: Bán lẻ sách, báo tạp chí (có nội dung được phép lưu hành), văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường tủ, bàn ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: Bán lẻ giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính). Chi tiết: sản xuất đồ dùng dạy học, trang thiết bị trường học (không sản xuất tại trụ sở);
- Sản xuất giường tủ, bàn ghế (không sản xuất tại trụ sở);
- Đại lý môi giới đấu giá. Chi tiết: Đại lý, môi giới (trừ môi giới bất động sản), đấu giá;
- Hoàn thiện công trình xây dựng, xây dựng nhà các loại;
- Dịch vụ hỗ trợ giáo dục;
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Biên tập, biên soạn sách, dịch thuật (trừ xuất bản sách);

Lĩnh vực kinh doanh chính: Sản xuất và kinh doanh Sách và Thiết bị giáo dục.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp:

Công ty có trụ sở tại: 231 Nguyễn Văn Cừ, phường 4, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tổng số cán bộ công nhân viên tại thời điểm 31/12/2018 là 78 người trong đó số cán bộ quản lý là 17 người.

Tại ngày 31/12/2018, Công ty có các Công ty liên kết và góp vốn đầu tư như sau:

Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết:

- Công ty Cổ phần Sách Thiết bị Trường học Bà Rịa Vũng Tàu
- Công ty Cổ phần Sách Thiết bị Giáo dục Bình Dương

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác:

- Công ty Cổ phần Đầu tư xuất bản Thiết bị Giáo dục Việt Nam

2 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

3 NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 năm dương lịch.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

4 TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN QUAN TRỌNG

Các chính sách kế toán đã được áp dụng trong việc trình bày Báo cáo tài chính này là nhất quán với các chính sách kế toán đã được áp dụng để trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Công ty.

4.1 Ước tính kế toán

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 của Công ty tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, yêu cầu Hội đồng thành viên và Ban Tổng Giám đốc Công ty phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn).

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

4.3 Nợ phải thu

Các khoản phải thu trình bày trong Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ phải thu từ khách hàng của Công ty và các khoản phải thu khác cộng với dự phòng nợ phải thu khó đòi. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn;
- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn;

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu vào ngày kết thúc năm tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc các khoản phải thu mà khách nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự (không bao gồm những khách hàng đã quá hạn trên nhưng đang tiến hành thanh toán hoặc có cam kết thanh toán trong thời gian tới).

4.4 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận là giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong năm sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, CCDC, hàng hóa Bình quân gia quyền
- Thành phẩm, hàng hóa Bình quân gia quyền

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho các vật tư, hàng hóa tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 02 “Hàng tồn kho” và Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp.

4.5 Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

4.5.1 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử. Các chi phí nâng cấp tài sản cố định hữu hình được vốn hóa, ghi tăng nguyên giá tài sản cố định; các chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm. Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản cố định hữu hình đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao TSCĐ hữu hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Thời gian trích khấu hao tài sản cố định hữu hình của Công ty như sau:

- Phương tiện vận tải 06 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý 03 - 05 năm

4.5.2 Tài sản cố định vô hình

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và các chi phí trực tiếp liên quan đến việc chuẩn bị để đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí nâng cấp tài sản được vốn hóa vào nguyên giá tài sản cố định; các chi phí khác được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm. Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản cố định hữu hình đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao TSCĐ vô hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Thời gian trích khấu hao tài sản cố định vô hình của Công ty như sau:

- Trang Web công ty: 04 năm

4.6 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết và đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác

Công ty liên kết là một Công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách và hoạt động của công ty liên kết nhưng không phải kiểm soát hoặc đồng kiểm soát các chính sách này. Mỗi quan hệ là công ty liên kết thường được thể hiện thông qua việc Công ty nắm giữ (trực tiếp hoặc gián tiếp) từ 20% đến dưới 50% quyền biểu quyết ở Công ty đó.

Đầu tư vốn góp dài hạn vào Công ty khác là các khoản đầu tư mà Công ty không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty nhận đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết và đầu tư góp vốn dài hạn vào Công ty khác được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng. Các khoản cổ tức, lợi nhuận được chia bằng tiền hoặc phi tiền tệ cho giai đoạn trước ngày đầu tư được ghi giảm giá trị khoản đầu tư.

Các khoản đầu tư khác được ghi nhận theo giá mua thực tế.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ kế toán là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng. Việc trích lập và hoàn nhập các khoản dự phòng giảm giá đầu tư được thực hiện theo Thông tư 228/2009/TT-BTC ban hành ngày 07/12/2009 và Thông tư 89/2013/TT-BTC ngày 28/6/2013 của Bộ Tài chính sửa đổi bổ sung Thông tư 228/2009/TT-BTC ban hành ngày 07/12/2009.

4.7 Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC)

Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) là thỏa thuận bằng hợp đồng của hai hoặc nhiều bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế nhưng không hình thành pháp nhân độc lập. Hoạt động này có thể đồng kiểm soát bởi các bên góp vốn theo thỏa thuận liên doanh hoặc kiểm soát bởi một trong các bên tham gia.

Các bên tham gia cùng mở sổ kế toán chi tiết trên cùng hệ thống sổ kế toán của mình để ghi chép và phản ánh trong Báo cáo tài chính của mình những nội dung sau:

- Phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát, được phân loại theo tính chất của tài sản;
- Các khoản nợ phải trả phát sinh riêng của mỗi bên tham gia góp vốn liên doanh;
- Các khoản thu nhập từ việc bán hoặc sử dụng phần sản phẩm được chia từ liên doanh cùng với phần chi phí phát sinh được phân chia từ hoạt động liên doanh;
- Các chi phí phát sinh liên quan đến việc góp vốn liên doanh.

4.8 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm công cụ dụng cụ, thuế giá trị gia tăng không được khấu trừ, chi phí thuê tài sản và các chi phí trả trước khác. Chi phí trả trước sẽ được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh trong thời gian hợp lý kể từ khi phát sinh.

4.9 Nợ phải trả

Các khoản phải trả trình bày trong Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ phải trả từ khách hàng của Công ty và các khoản phải trả khác và được chi tiết cho từng đối tượng phải trả. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Khoản phải trả có thời hạn thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là ngắn hạn;
- Khoản phải trả có thời hạn thanh toán trên 1 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là dài hạn;

4.10 Chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm giá trị các khoản chi phí đã được tính vào chi phí hoạt động kinh doanh trong năm tài chính, nhưng chưa được thực chi vào thời điểm kết thúc năm tài chính, bao gồm, chiết khấu thanh toán, chi phí nhuận bút tổ chức bản thảo,... Khi các chi phí đó phát sinh thực tế, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

4.11 Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư ban đầu của Công ty được ghi nhận theo giá trị vốn góp của các bên góp vốn khi được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần. Trong quá trình hoạt động, vốn đầu tư của Công ty được ghi nhận tăng lên theo giá trị vốn góp tăng lên của các cổ đông.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và được công ty mua lại, cổ phiếu này không bị hủy bỏ và sẽ được tái phát hành trở lại trong khoảng thời gian theo quy định của Pháp luật về chứng khoán, cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế mua lại và trình bày trên bảng cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn đầu tư của chủ sở hữu. Giá vốn của cổ phiếu quỹ khi tái phát hành hoặc khi sử dụng để trả cổ tức, thưởng... được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể chia cho các bên góp vốn sau khi được thông qua bởi Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông tại Cuộc họp cổ đông thường niên. Cổ tức được chia từ lợi nhuận chưa phân phối dựa trên tỷ lệ góp vốn của từng cổ đông.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

4.12 Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch này.

- (i) Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua và hàng hóa đã được giao cho người mua và được chấp nhận của khách hàng;
- (ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích đã được chuyển giao cho khách hàng, dịch vụ đã được cung cấp và được khách hàng chấp nhận.
- (iii) Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm doanh thu phát sinh từ lãi tiền gửi và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác. Lãi tiền gửi được xác định trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.
- (iv) Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

- (v) Thu nhập khác là các khoản thu nhập ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty, được ghi nhận khi có thể xác định được một cách tương đối chắc chắn và có khả năng thu được các lợi ích kinh tế.

4.13 Giá vốn hàng bán

Bao gồm giá vốn của thành phẩm, dịch vụ bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã tiêu thụ trong năm.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

4.14 Chi phí hoạt động tài chính

Chi phí tài chính phản ánh các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính: Chiết khấu thanh toán nhanh, lãi bán hàng trả chậm, lãi thuê tài sản thuê tài chính, chiết khấu thanh toán cho người mua, các khoản chi phí và lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư, dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái và các khoản chi phí của hoạt động đầu tư khác.

4.15 Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh liên quan đến quản lý chung của doanh nghiệp.

4.16 Thuế

Thuế Giá trị gia tăng (GTGT):

Sách giáo khoa, sách tham khảo hỗ trợ cho sách giáo khoa là các mặt hàng không chịu thuế giá trị gia tăng.

Các mặt hàng khác áp dụng theo quy định hiện hành.

Thuế Thu nhập Doanh nghiệp (TNDN):

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập doanh nghiệp : Áp dụng mức thuế suất là 20%

Các loại thuế khác: theo quy định hiện hành của Việt Nam.

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Theo đó, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo Quyết định của cơ quan thuế.

4.17 Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính phái sinh.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuế tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu

4.18 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông với số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

4.19 Các bên liên quan

Việc trình bày mối quan hệ với các bên liên quan và các giao dịch giữa doanh nghiệp với các bên liên quan được thực hiện theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 26 “Thông tin về các bên liên quan” được ban hành và công bố theo Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư 161/2007/TT-BTC “Hướng dẫn thực hiện mười sáu (16) Chuẩn mực kế toán ban hành theo Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31/12/2001, Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31/12/2002 và Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30/12/2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính” ban hành ngày 31/12/2007, cụ thể:

Các bên liên quan được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các trường hợp được coi là bên liên quan: Các doanh nghiệp - kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết - các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mẫu số B 09 – DN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Tổng giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được gọi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

103
RÁC
104

5 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2018 (VND)	01/01/2018 (VND)
- Tiền mặt (i)	1.503.834.582	557.399.544
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn (ii)	7.525.235.786	5.358.776.576
- Các khoản tương đương tiền (iii)	6.000.000.000	-
Cộng	15.029.070.368	5.916.176.120
(i) Số dư tiền mặt tại quỹ vào ngày 31/12/2018 bao gồm	Nguyên tệ	VND
Ngoại tệ	-	-
Đồng Việt Nam	-	1.503.834.582
Cộng	-	1.503.834.582
(ii) Số dư tiền gửi ngân hàng tại ngày 31/12/2018 bao gồm:	Nguyên tệ	VND
Ngoại tệ	-	-
Đồng Việt Nam	-	7.525.235.786
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN 3 - TP HCM - Hội sở	-	6.410.279.159
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Bình Tây	-	1.107.623.004
Ngân hàng TMCP Á Châu	-	7.333.623
Cộng	-	7.525.235.786
(iii) Số dư các khoản tương đương tiền tại ngày 31/12/2018 bao gồm:	Nguyên tệ	VND
Ngoại tệ	-	-
Đồng Việt Nam	-	6.000.000.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (*)	-	6.000.000.000
Cộng	-	6.000.000.000

(*) Các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn có kỳ hạn từ 3 tháng trở xuống.

5.2. Phải thu khách hàng

	31/12/2018 (VND)	01/01/2018 (VND)
a) Ngắn hạn	16.282.455.423	18.315.975.692
Công ty Cổ Phần Sách và Thiết bị Giáo dục Bình Dương	2.545.586.015	1.722.007.877
Các khoản phải thu khách hàng khác	13.736.869.408	16.593.967.815
b) Dài hạn	-	-
Cộng	16.282.455.423	18.315.975.692

(Phải thu của khách hàng là các bên liên quan được chi tiết tại TM 7.4)

13/12/2018
CỔ PHẦN SÁCH VÀ THIẾT BỊ GIÁO DỤC MIỀN NAM

5.3. Trả trước cho người bán

	31/12/2018	01/01/2018
	(VND)	(VND)
a) Ngắn hạn	858.628.960	183.177.824
Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại giấy Mekong	346.500.000	-
Công ty TNHH Kim Tân	47.042.500	44.622.500
Công ty TNHH MTV In Quân đội 2	-	119.114.346
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển giáo dục Đà Nẵng	464.302.930	-
Các đối tượng khác	783.530	19.440.978
b) Dài hạn	-	-
Cộng	858.628.960	183.177.824

(Trả trước cho người bán là các bên liên quan được chi tiết tại TM 7.4)

5.4. Phải thu khác

	31/12/2018		01/01/2018	
	(VND)		(VND)	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Ngắn hạn				
Phải thu tiền thuế TNCN	689.380.894	-	-	-
Ký cược, ký quỹ	493.254.424	-	20.000.041	-
Phải thu khác	6.910.707.983	-	901.610.482	-
Cộng	8.093.343.301	-	921.610.523	-
b) Dài hạn				
NXBGD Việt Nam - Dự án Mai Thị Lựu (*)	14.814.913.266	-	14.814.913.266	-
Ký cược ký quỹ	5.000.000	-	5.000.000	-
Cộng	14.819.913.266	-	14.819.913.266	-

(Phải thu khác là các bên liên quan được chi tiết tại TM 7.4)

(*) Là khoản góp vốn đối với Nhà Xuất bản Giáo dục tại Thành phố Hồ Chí Minh (đơn vị trực thuộc của Công ty TNHH MTV NXBGD Việt Nam) để xây dựng Cao ốc văn phòng tại 104 Mai Thị Lựu, Phường Đakao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh ba bên số 108HĐ/2011 ngày 01/4/2011 và các phụ lục điều chỉnh. Tổng số vốn đầu tư cho dự án là 50 tỷ đồng, trong đó Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị giáo dục Miền Nam góp 15 tỷ đồng. Ngày 01/7/2014, các bên đã thông nhất ký Phụ lục hợp đồng số 01 giao cho Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam thực hiện dự án thay thế cho chủ thể cũ là Nhà xuất bản Giáo dục tại TP Hồ Chí Minh. Đến thời điểm phát hành báo cáo kiểm toán này, Dự án đã có Báo cáo kiểm toán dự án hoàn thành với tổng giá trị quyết toán công trình 49.383.044.219 đồng, trong đó giá trị góp của Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị giáo dục Miền Nam là 14.814.913.266 đồng. Theo phụ lục hợp đồng số 02 ngày 15/12/2018, tỷ lệ phân chia lợi nhuận phân bổ cho Công ty Cổ phần Sách và thiết bị Giáo dục Miền Nam là 25%.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH VÀ THIẾT BỊ GIÁO DỤC MIỀN NAM
 Địa chỉ: 231 Nguyễn Văn Cừ, Phường 4, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)
 Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mẫu số B 09 – DN

5.5. Nợ xấu

	31/12/2018 (VND)		01/01/2018 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi	1.199.349.949	217.236.498	805.942.094	34.220.950
Từ 1 đến 2 năm	393.407.855	196.703.928	68.441.901	34.220.950
<i>Công ty TNHH SX TM TB Giáo dục Vạn Lợi</i>	393.407.855	196.703.928	-	-
<i>Công ty TNHH kỹ thuật An Kim</i>	-	-	68.441.901	34.220.950
Từ 2 đến 3 năm	68.441.901	20.532.570	-	-
<i>Công ty TNHH kỹ thuật An Kim</i>	68.441.901	20.532.570	-	-
Trên 3 năm	737.500.193	-	737.500.193	-
<i>Trường THPT Hoàng Diệu Bình Dương (Trí Đức)</i>	385.352.750	-	385.352.750	-
<i>Chị Hồng (Trí Đức)</i>	132.325.040	-	132.325.040	-
<i>Trường Lê Thị Hồng Gấm (Trí Đức)</i>	25.862.750	-	25.862.750	-
<i>Nhật Minh (Trí Đức)</i>	17.200.910	-	17.200.910	-
<i>Chị Trâm (Trí Đức)</i>	114.831.295	-	114.831.295	-
<i>Trường TH Trần Văn On (Trí Đức)</i>	13.469.700	-	13.469.700	-
<i>Chị Út Hằng (Trí Đức)</i>	48.457.748	-	48.457.748	-
Cộng	1.199.349.949	217.236.498	805.942.094	34.220.950

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH VÀ THIẾT BỊ GIÁO DỤC MIỀN NAM
 Địa chỉ: 231 Nguyễn Văn Cừ, Phường 4, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)
 Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mẫu số B 09 – DN

5.6. Hàng tồn kho

	31/12/2018 (VND)		01/01/2018 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu;	1.058.862.996	-	4.656.011.333	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	1.129.174.095	-	1.418.648.879	-
Thành phẩm	7.612.944.318	-	5.230.056.423	-
Hàng hóa	9.106.949.886	665.980.691	13.894.758.254	197.832.718
Hàng gửi bán	5.178.716.418	-	2.071.417.309	-
Cộng	24.086.647.713	665.980.691	27.270.892.198	197.832.718

5.7. Chi phí trả trước

	31/12/2018 (VND)	01/01/2018 (VND)
a) Ngắn hạn	2.581.149.762	1.118.136.477
Thuế GTGT hàng tự sản xuất không được khấu trừ chờ phân bổ	607.634.186	791.049.933
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	1.682.017.572	69.164.547
Chi phí chờ phân bổ khác	291.498.004	257.921.997
b) Dài hạn	782.609.572	1.460.580.756
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	643.409.572	951.828.036
Chi phí chờ phân bổ khác	139.200.000	508.752.720
Cộng	3.363.759.334	2.578.717.233

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận không tách rời của Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH VÀ THIẾT BỊ GIÁO DỤC MIỀN NAM
Địa chỉ: 231 Nguyễn Văn Cừ, Phường 4, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mẫu số B 09 – DN

5.8. Tăng giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Máy móc, thiết bị (VND)	Phương tiện vận tải, truyền dẫn (VND)	Thiết bị dụng cụ quản lý (VND)	Tổng cộng (VND)
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	609.700.818	2.897.382.000	629.196.395	4.136.279.213
- Mua trong năm	-	445.281.027	126.949.091	572.230.118
Số dư cuối năm	609.700.818	3.342.663.027	756.145.486	4.708.509.331
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	351.178.091	2.024.801.494	518.371.103	2.894.350.688
- Khấu hao trong năm	13.155.161	202.745.348	90.524.967	306.425.476
Số dư cuối năm	364.333.252	2.227.546.842	608.896.070	3.200.776.164
Giá trị còn lại				
- Tại ngày đầu năm	258.522.727	872.580.506	110.825.292	1.241.928.525
- Tại ngày cuối năm	245.367.566	1.115.116.185	147.249.416	1.507.733.167

Trong đó:

- Nguyên giá TSCĐ đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày cuối năm là: 2.487.697.396 đồng.



5.9. Tăng giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Trang web công ty (VND)	Tổng cộng (VND)
Nguyên giá		
Số dư đầu năm	34.000.000	34.000.000
Số dư cuối năm	34.000.000	34.000.000
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư đầu năm	34.000.000	34.000.000
Số dư cuối năm	34.000.000	34.000.000
Giá trị còn lại		
Tại ngày đầu năm	-	-
Tại ngày cuối năm	-	-

Trong đó:

- Nguyên giá TSCĐ đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày cuối năm là: 34.000.000 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH VÀ THIẾT BỊ GIÁO DỤC MIỀN NAM

Địa chỉ: 231 Nguyễn Văn Cừ, Phường 4, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mẫu số B 09 – DN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

5.10. Đầu tư tài chính dài hạn

	Tỷ lệ biểu quyết	31/12/2018 (VND)		01/01/2018 (VND)	
		Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		3.329.000.000	-	3.329.000.000	-
Công ty CP Sách TBTH Bình Dương (*)	21%	2.100.000.000	-	2.100.000.000	-
Công ty CP Sách TBTH Bà Rịa - Vũng Tàu (**)	35%	1.229.000.000	-	1.229.000.000	-
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		4.000.000.000	439.829.999	4.000.000.000	59.269.092
Công ty CP Đầu tư xuất bản – Thiết bị Giáo dục Việt Nam	4%	4.000.000.000	439.829.999	4.000.000.000	59.269.092
Tổng		7.329.000.000	439.829.999	7.329.000.000	59.269.092

(*) Công ty CP Sách TBTH Bình Dương có vốn điều lệ 10.000.000.000 đồng, ngành nghề kinh doanh chủ yếu là kinh doanh các loại sách, dụng cụ học sinh, đồ chơi mẫu giáo, văn phòng phẩm.

(**) Công ty CP Sách TBTH Bà Rịa – Vũng Tàu có ngành nghề kinh doanh chủ yếu là kinh doanh sách, thiết bị trường học, bàn ghế học sinh.

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH VÀ THIẾT BỊ GIÁO DỤC MIỀN NAM

Địa chỉ: 231 Nguyễn Văn Cừ, Phường 4, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mẫu số B 09 – DN

5.11. Phải trả người bán

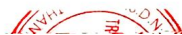
	31/12/2018 (VND)		01/01/2018 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Ngắn hạn	12.021.299.342	12.021.299.342	20.755.586.240	20.755.586.240
Nhà xuất bản Giáo dục Hồ Chí Minh	3.161.249.083	3.161.249.083	10.651.988.886	10.651.988.886
Công ty CP dịch vụ xuất bản Giáo dục Hà Nội	2.686.214.002	2.686.214.002	2.637.507.022	2.637.507.022
Công ty CP Đầu tư và Phát triển giáo dục Hà Nội	1.737.111.280	1.737.111.280	387.103.340	387.103.340
Các đối tượng khác	4.436.724.977	4.436.724.977	7.078.986.992	7.078.986.992
b) Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	12.021.299.342	12.021.299.342	20.755.586.240	20.755.586.240

(Phải trả người bán là các bên liên quan được chi tiết tại TM 7.4)

5.12. Người mua trả tiền trước

	31/12/2018 (VND)		01/01/2018 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Ngắn hạn	1.258.201.139	1.258.201.139	310.447.421	310.447.421
Công ty Cổ phần phát hành sách TP Hồ Chí Minh - FAHASA	129.195.735	129.195.735	1.228.140	1.228.140
Công ty Cổ phần sách và thiết bị trường học Bà Rịa - Vũng Tàu	496.720.597	496.720.597	218.535.558	218.535.558
Công ty Cổ phần sách và thiết bị trường học Đồng Nai	225.761.648	225.761.648	-	-
Khác	406.523.159	406.523.159	90.683.723	90.683.723
b) Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	1.258.201.139	1.258.201.139	310.447.421	310.447.421

(Người mua trả tiền trước là các bên liên quan được chi tiết tại TM 7.4)



CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH VÀ THIẾT BỊ GIÁO DỤC MIỀN NAM

Địa chỉ: 231 Nguyễn Văn Cừ, Phường 4, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mẫu số B 09 – DN

5.13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	01/01/2018 (VND)	Số phải nộp trong năm (VND)	Số đã thực nộp trong năm (VND)	31/12/2018 (VND)
a) Phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	320.049.311	1.828.523.096	1.761.268.869	387.303.538
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	267.011.135	2.528.077.116	2.726.379.615	68.708.636
Thuế thu nhập cá nhân	-	1.784.766.019	1.268.917.016	515.849.003
Cộng	587.060.446	6.141.366.231	5.756.565.500	971.861.177
b) Phải thu				
Thuế thu nhập cá nhân	79.598.873	79.598.873	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	155.116.881	158.116.881	3.000.000
Cộng	79.598.873	234.715.754	158.116.881	3.000.000

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Theo đó, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH VÀ THIẾT BỊ GIÁO DỤC MIỀN NAM

Địa chỉ: 231 Nguyễn Văn Cừ, Phường 4, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018**Mẫu số B 09 – DN****5.14. Chi phí phải trả**

	31/12/2018	01/01/2018
	(VND)	(VND)
a) Ngắn hạn	3.658.354.344	115.157.750
Chi phí bản thảo, nhuận bút phải trả	3.619.126.000	65.157.750
Chiếu khấu thanh toán phải trả	14.228.344	-
Các khoản trích trước khác	25.000.000	50.000.000
b) Dài hạn	-	-
Cộng	3.658.354.344	115.157.750

5.15. Phải trả khác

	31/12/2018	01/01/2018
	(VND)	(VND)
a) Ngắn hạn	4.531.838.318	4.647.296.696
Kinh phí công đoàn	-	251.200
Hoa hồng môi giới	4.175.785.423	2.693.647.628
Ký quỹ ký cược ngắn hạn	20.000.000	20.000.000
Bùi Thị Dung	-	1.620.000.000
Phải trả khác	336.052.895	313.397.868
b) Dài hạn	-	180.000.000
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	-	180.000.000
Cộng	4.531.838.318	4.827.296.696

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH VÀ THIẾT BỊ GIÁO DỤC MIỀN NAM
 Địa chỉ: 231 Nguyễn Văn Cừ, Phường 4, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)
 Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mẫu số B 09 – DN

5.16. Vốn chủ sở hữu

a) Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

Nội dung	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu				
	Vốn góp của chủ sở hữu (VND)	Quỹ đầu tư phát triển (VND)	Cổ phiếu quỹ (VND)	LNST thuế chưa phân phối (VND)	Cộng (VND)
Số dư tại ngày 01/01/2017	44.050.000.000	7.907.580.491	(200.000.000)	6.838.145.150	58.595.725.641
- Tăng trong năm trước	-	889.171.935	-	8.891.719.338	9.780.891.273
- Giảm trong năm trước	-	-	-	(7.052.515.804)	(7.052.515.804)
Số dư tại ngày 01/01/2018	44.050.000.000	8.796.752.426	(200.000.000)	8.677.348.684	61.324.101.110
- Lãi trong năm	-	-	-	9.631.631.776	9.631.631.776
- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(1.926.326.356)	(1.926.326.356)
- Trích quỹ đầu tư phát triển	-	963.163.178	-	(963.163.178)	-
- Chia cổ tức (*)	-	-	-	(4.385.000.000)	(4.385.000.000)
Số dư cuối tại ngày 31/12/2018	44.050.000.000	9.759.915.604	(200.000.000)	11.034.490.926	64.644.406.530

(*) Công ty phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2017 theo Nghị Quyết đại hội đồng cổ đông số 101/NQ-ĐHĐCĐ ngày 9/4/2018.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)
 Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mẫu số B 09 – DN

b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	31/12/2018	01/01/2018
	(VND)	(VND)
Vốn góp của công ty TNHH MTV NXB Giáo Dục Việt Nam	23.400.000.000	23.400.000.000
Vốn góp của các cổ đông khác	20.450.000.000	20.450.000.000
Cổ phiếu quỹ	200.000.000	200.000.000
Cộng	44.050.000.000	44.050.000.000

c) Cổ phiếu

	31/12/2018	01/01/2018
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành		
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	4.405.000	4.405.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	4.405.000	4.405.000
- <i>Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	20.000	20.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	20.000	20.000
- <i>Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	4.385.000	4.385.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	4.385.000	4.385.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành 10.000 VND.

d) Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

	31/12/2018	01/01/2018
	(VND)	(VND)
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		
Lợi nhuận năm trước chuyển sang	8.677.348.684	6.838.145.150
Lợi nhuận sau thuế TNDN năm nay	9.631.631.776	8.891.719.338
Phân phối lợi nhuận	7.274.489.534	7.052.515.804
- Phân phối lợi nhuận năm trước	4.385.000.000	4.385.000.000
+ <i>Chia cổ tức</i>	4.385.000.000	4.385.000.000
- Tạm phân phối lợi nhuận năm nay	2.889.489.534	2.667.515.804
+ <i>Trích quỹ đầu tư phát triển</i>	963.163.178	889.171.935
+ <i>Trích quỹ khen thưởng phúc lợi, quỹ khen thưởng ban điều hành</i>	1.926.326.356	1.778.343.869
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối cuối kỳ	11.034.490.926	8.677.348.684

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)
 Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mẫu số B 09 – DN

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2018 (VND)	Năm 2017 (VND)
Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	414.596.719.166	383.503.534.463
Doanh thu sách giáo khoa	295.771.799.143	294.985.719.199
Doanh thu sách tham khảo	89.787.127.252	78.414.944.282
Doanh thu bán bất động sản	16.200.000.000	-
Doanh thu khác	12.837.792.771	10.102.870.982
Các khoản giảm trừ doanh thu	831.648.678	962.075.688
Hàng bán bị trả lại	831.648.678	962.075.688
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	413.765.070.488	382.541.458.775

6.2 Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

	Năm 2018 (VND)	Năm 2017 (VND)
Giá vốn bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	355.723.267.326	332.440.438.681
Giá vốn sách giáo khoa	277.334.237.769	277.877.755.991
Giá vốn sách tham khảo	55.255.913.426	46.394.426.473
Giá vốn bán bất động sản	12.482.559.091	-
Giá vốn khác	10.182.409.067	8.253.404.164
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	468.147.973	(85.147.947)
Cộng	355.723.267.326	332.440.438.681

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2018 (VND)	Năm 2017 (VND)
Lãi tiền gửi ngân hàng, cho vay	656.767.466	97.581.639
Cổ tức, lợi nhuận được chia	308.320.000	308.320.000
Cộng	965.087.466	405.901.639

6.4 Chi phí tài chính

	Năm 2018 (VND)	Năm 2017 (VND)
Chi phí lãi vay	-	46.083.300
Chiết khấu thanh toán nhanh, lãi bán hàng trả chậm	539.339.167	576.805.947
Dự phòng đầu tư tài chính	380.560.907	59.269.092
Cộng	919.900.074	682.158.339

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)
 Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mẫu số B 09 – DN

6.5 Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2018 (VND)	Năm 2017 (VND)
Chi phí bán hàng	29.445.003.924	24.083.461.677
Tiền lương và các khoản bảo hiểm theo lương	11.249.877.884	9.674.374.001
Chi phí bốc xếp, vận chuyển hàng hóa tiêu thụ	4.778.392.904	3.915.060.686
Chi hoa hồng môi giới	3.223.894.429	3.162.080.115
Chi phí khác	10.192.838.707	7.331.946.875
Chi phí quản lý doanh nghiệp	17.166.002.394	15.690.830.227
Tiền lương và các khoản bảo hiểm theo lương	6.783.794.792	6.413.663.245
Chi phí tiếp khách, hội nghị, khánh tiết	2.457.284.236	2.190.357.265
Chi phí khác	7.924.923.366	7.086.809.717
Cộng	46.611.006.318	39.774.291.904

6.6 Thu nhập khác

	Năm 2018 (VND)	Năm 2017 (VND)
Doanh thu bốc xếp hàng hóa, gia công cắt rọc	1.125.396.347	1.170.728.793
Thanh lý khác (Tài sản, vật tư, hàng hóa)	85.440.333	75.418.104
Tiền điện, nước, vệ sinh	82.552.827	-
Các khoản khác	72.259.062	390.095.481
Cộng	1.365.648.569	1.636.242.378

6.7 Chi phí khác

	Năm 2018 (VND)	Năm 2017 (VND)
Chi phí bốc xếp hàng hóa	134.730.634	515.852.610
Phạt chậm nộp, kê khai sai thuế	155.116.881	-
Chi phí khác	424.682.520	61.842.086
Cộng	714.530.035	577.694.696

6.8 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2018 (VND)	Năm 2017 (VND)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	12.127.102.770	11.109.019.172
Điều chỉnh các khoản thu nhập chịu thuế	350.252.201	(22.520.000)
- Điều chỉnh tăng	658.572.201	285.800.000
(Chi phí không được trừ)		
- Điều chỉnh giảm	308.320.000	308.320.000
(Cổ tức lợi nhuận được chia)		
Tổng thu nhập chịu thuế	12.477.354.971	11.086.499.172
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	2.495.470.994	2.217.299.834



6.9 Lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Năm 2018	Năm 2017
	(VND)	(VND)
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	9.631.631.776	8.891.719.338
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông.	(1.926.326.356)	(1.778.343.869)
- Điều chỉnh giảm (Trích quy khen thưởng phúc lợi)	(1.926.326.356)	(1.778.343.869)
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông.	7.705.305.420	7.113.375.469
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	4.385.000	4.385.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.757	1.622
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	1.757	1.622

6.10 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2018	Năm 2017
	(VND)	(VND)
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	14.097.282.414	10.401.833.756
Tiền lương và các khoản bảo hiểm theo lương	17.837.395.028	16.063.256.188
Chi phí khấu hao tài sản cố định	306.425.476	388.268.731
Chi phí dịch vụ mua ngoài	28.929.601.381	33.046.170.299
Chi phí khác bằng tiền	23.337.161.790	9.277.938.673
Cộng	84.507.866.089	69.177.467.647

7. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

7.1 Công cụ tài chính

Công ty chịu các rủi ro sau khi sử dụng các công cụ tài chính: rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Ban Điều hành chịu trách nhiệm chung đối với việc thiết lập và giám sát nguyên tắc quản lý rủi ro tài chính. Ban Giám đốc thiết lập các chính sách nhằm phát hiện và phân tích các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các biện pháp kiểm soát rủi ro và các hạn mức rủi ro thích hợp, và giám sát các rủi ro và việc thực hiện các hạn mức rủi ro. Hệ thống và chính sách quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của các điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Ban Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

(i) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro về giá hàng hóa và rủi ro về giá khác.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỉ giá hối đoái. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỉ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của công ty.

Công ty không có rủi ro tỷ giá hối đoái từ các giao dịch mua, bán bằng đơn vị tiền tệ không phải là đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty.

Rủi ro về giá cổ phiếu

Cổ phiếu do Công ty nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư, theo đó Ban giám đốc Công ty theo dõi biến động giá thị trường và thực hiện trích lập dự phòng phù hợp cho phần giảm giá.

(ii) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với tài khoản phải thu khách hàng), và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, các khoản cho vay và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Công ty có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

Công ty sẽ lập dự phòng giảm giá trị để phản ánh mức độ thiệt hại ước tính đối với phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư. Thành phần chính của khoản dự phòng giảm giá trị này là khoản lỗ cụ thể có liên quan đến mức độ thiệt hại cụ thể đối với từng khách hàng.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng của số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trên bản cân đối kế toán tại ngày kết thúc năm tài chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 5.1. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản tiền gửi ngân hàng là thấp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)
 Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

(iii) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giảm thiểu rủi ro thanh khoản bằng cách duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban giám đốc cho rằng đủ để đáp ứng cho các hoạt động của công ty và giảm thiểu rủi ro do những biến động của luồng tiền.

Bảng dưới đây phân tích đối với tài sản tài chính và các khoản nợ tài chính phi phái sinh vào các nhóm đáo hạn có liên quan dựa trên kỳ hạn còn lại từ ngày lập bảng cân đối kế toán đến ngày đáo hạn theo hợp đồng. Các số tiền được trình bày trong bảng sau là các luồng tiền theo hợp đồng không chiết khấu. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	<u>Dưới 1 năm</u> <u>(VND)</u>	<u>Trên 1 năm</u> <u>(VND)</u>	<u>Tổng cộng</u> <u>(VND)</u>
Ngày 31/12/2018			
<i>Giá trị ghi sổ:</i>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	15.029.070.368	-	15.029.070.368
Phải thu khách hàng	16.282.455.423	-	16.282.455.423
Phải thu khác	8.951.972.261	14.819.913.266	23.771.885.527
<i>Trừ:</i>			-
Dự phòng phải thu khó đòi	(982.113.451)	-	(982.113.451)
Tổng cộng	39.281.384.601	14.819.913.266	54.101.297.867
Ngày 31/12/2018			
Phải trả người bán	12.021.299.342	-	12.021.299.342
Phải trả, PN khác và chi phí phải trả	11.598.359.780	-	11.598.359.780
Tổng cộng	23.619.659.122	-	23.619.659.122
Chênh lệch thanh khoản thuần	15.661.725.479	14.819.913.266	30.481.638.745
Ngày 01/01/2018			
<i>Giá trị ghi sổ:</i>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	5.916.176.120	-	5.916.176.120
Phải thu khách hàng	18.315.975.692	-	18.315.975.692
Phải thu khác	1.104.788.347	14.819.913.266	15.924.701.613
<i>Trừ:</i>			-
Dự phòng phải thu khó đòi	(771.721.144)	-	(771.721.144)
Tổng cộng	24.565.219.015	14.819.913.266	39.385.132.281
Ngày 01/01/2018			
Phải trả người bán	20.755.586.240	-	20.755.586.240
Phải trả, PN khác và chi phí phải trả	6.379.076.716	180.000.000	6.559.076.716
Tổng cộng	27.134.662.956	180.000.000	27.314.662.956
Chênh lệch thanh khoản thuần	(2.569.443.941)	14.639.913.266	12.070.469.325

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH VÀ THIẾT BỊ GIÁO DỤC MIỀN NAM

Địa chỉ: 231 Nguyễn Văn Cừ, Phường 4, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mẫu số B 09 – DN

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn cần thiết.

(iii) Giá trị hợp lý

Giá trị ghi sổ trừ dự phòng của các khoản phải thu ngắn hạn, tiền gửi ngân hàng và các khoản phải trả người bán và phải trả khác là gần bằng với giá trị hợp lý của chúng.

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	31/12/2018 (VND)	01/01/2018 (VND)	31/12/2018 (VND)	01/01/2018 (VND)
Tài sản tài chính				
Các khoản cho vay và phải thu	40.054.340.950	34.240.677.305	39.072.227.499	33.468.956.161
<i>Phải thu khách hàng</i>	16.282.455.423	18.315.975.692	15.300.341.972	17.544.254.548
<i>Phải thu khác</i>	23.771.885.527	15.924.701.613	23.771.885.527	15.924.701.613
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	15.029.070.368	5.916.176.120	15.029.070.368	5.916.176.120
<i>Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	15.029.070.368	5.916.176.120	15.029.070.368	5.916.176.120
Tổng cộng	55.083.411.318	40.156.853.425	54.101.297.867	39.385.132.281
Nợ phải trả tài chính				
Nợ phải trả tài chính	23.619.659.122	27.314.662.956	23.619.659.122	27.314.662.956
<i>Phải trả người bán</i>	12.021.299.342	20.755.586.240	12.021.299.342	20.755.586.240
<i>Phải trả khác</i>	11.598.359.780	6.559.076.716	11.598.359.780	6.559.076.716
Tổng cộng	23.619.659.122	27.314.662.956	23.619.659.122	27.314.662.956

Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính không được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 31/12/2018 và ngày 01/01/2018. Tuy nhiên, Ban Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của những tài sản và phải trả tài chính này không có chênh lệch trọng yếu với giá trị ghi sổ của chúng tại ngày kết thúc năm tài chính.

7.2 Báo cáo bộ phận

Trong năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2018, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chủ yếu là bán sách giáo khoa và sách tham khảo, hoạt động kinh doanh văn phòng phẩm, thiết bị giáo dục và bất động sản chiếm tỷ trọng không đáng kể (dưới 10% về doanh thu). Do đó Công ty không trình bày báo cáo bộ phận.

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý (báo cáo thứ yếu): Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng tạo ra doanh thu cho bộ phận. Trong năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2018, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty phát sinh chủ yếu tại Miền Nam nên Công ty không lập Báo cáo bộ phận thứ yếu (theo khu vực địa lý).

7.3 Thông tin về các bên liên quan

Các bên liên quan: Các bên được coi là bên liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

Thu nhập của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc trong năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018:

	Năm 2018 (VND)	Năm 2017 (VND)
Lương thưởng của Ban Tổng Giám đốc	1.417.865.758	1.983.537.747
Thù lao và thưởng của HĐQT/ Ban kiểm soát	871.927.771	1.211.046.666

Số dư tại ngày 31/12/2018 và các giao dịch với các bên liên quan trong năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2018 được thể hiện chi tiết như sau:

Giao dịch/ số dư	Mối quan hệ	Năm 2018 (VND)	Năm 2017 (VND)
Doanh thu bán hàng hóa, dịch vụ		180.280.608.318	169.295.807.813
Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam	Công ty mẹ	73.000.000	79.500.000
Nhà xuất bản giáo dục tại TP Hồ Chí Minh	Cùng Tập đoàn	1.345.628.295	891.076.817
Nhà xuất bản giáo dục tại TP Đà Nẵng	Cùng Tập đoàn	194.068.550	
Nhà xuất bản giáo dục tại TP Cần Thơ	Cùng Tập đoàn	5.796.000	
Công ty CP Sách và TBGD Bình Dương	Công ty liên kết	33.949.693.530	23.292.053.426
Công ty CP Sách TBTH Bà Rịa - Vũng Tàu	Công ty liên kết	11.784.150.750	11.534.564.341
Công ty CP Đầu tư và phát triển giáo dục Đà Nẵng	Cùng Tập đoàn	688.620.000	-
Công ty CP Học Liệu	Cùng Tập đoàn	46.862.220	122.628.858
Công ty CP Sách Giáo dục tại Đà Nẵng	Cùng Tập đoàn	-	303.025.000
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP Hồ Chí Minh	Cùng Tập đoàn	1.170.597.548	804.409.051
Công ty CP Sách và TBTH Bình Thuận	Cùng Tập đoàn	13.945.263.675	13.302.457.168
Công ty CP Sách và TBTH TP Hồ Chí Minh	Cùng Tập đoàn	86.369.935.870	85.214.586.314

440
 ĐỒNG
 HIỆM
 K
 T I
 VÂN

Giao dịch/ số dư	Mối quan hệ	Năm 2018 (VND)	Năm 2017 (VND)
Công ty CP Đầu tư và phát triển Giáo dục Phương Nam	Cùng Tập đoàn	1.274.100.766	1.122.810.220
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội	Cùng Tập đoàn	185.542.220	301.536.200
Công ty CP Sách TBGD Miền Bắc	Cùng Tập đoàn	1.147.396.457	1.377.813.327
Công ty CP Sách TBGD Miền Trung	Cùng Tập đoàn	622.403.434	501.765.306
Công ty CP Sách TBGD Cửu Long	Cùng Tập đoàn	656.021.878	650.468.440
Công ty CP Thiết bị Giáo dục 2	Cùng Tập đoàn	1.359.230.316	2.251.443.550
Công ty CP Sách TBTH Bến Tre	Cùng Tập đoàn	11.926.304.826	11.557.447.462
Công ty CP Sách TBTH Tiền Giang	Cùng Tập đoàn	13.535.991.983	14.931.470.853
Công ty CP Đầu tư và phát triển giáo dục	Cùng Tập đoàn	-	287.583.800
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Đà Nẵng	Cùng Tập đoàn	-	769.167.680
Mua hàng hóa, dịch vụ		309.019.061.040	312.601.553.374
Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam	Công ty mẹ	35.722.200	37.272.300
Nhà xuất bản giáo dục tại TP Hồ Chí Minh	Cùng Tập đoàn	281.816.213.892	273.593.755.103
Nhà xuất bản giáo dục tại TP Đà Nẵng	Cùng Tập đoàn	6.435.000	-
Công ty CP In sách giáo khoa tại TP Hồ Chí Minh	Cùng Tập đoàn	-	1.066.736.457
Công ty CP Sách và TBGD Bình Dương	Công ty liên kết	6.728.600	1.740.734
Công ty CP Sách TBTH Bà Rịa - Vũng Tàu	Công ty liên kết	1.484.200	-
Công ty CP Đầu tư và phát triển giáo dục Đà Nẵng	Cùng Tập đoàn	1.563.411.930	-
Công ty CP Học Liệu	Cùng Tập đoàn	730.028.357	-
Công ty CP Sách Giáo dục tại Hà Nội	Cùng Tập đoàn	452.784.000	643.862.000
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP Hồ Chí Minh	Cùng Tập đoàn	574.274.860	175.753.922
Công ty CP Sách Giáo dục tại Đà Nẵng	Cùng Tập đoàn	-	874.915.700
Công ty CP Sách và TBTH Bình Thuận	Cùng Tập đoàn	3.222.021.568	-
Công ty CP Sách và TBTH TP Hồ Chí Minh	Cùng Tập đoàn	6.954.800.653	13.925.383.565
Công ty CP Đầu tư và phát triển Giáo dục Phương Nam	Cùng Tập đoàn	751.338.237	470.310.235
Công ty CP Sách Dân tộc	Cùng Tập đoàn	15.229.985	-
Công ty CP Đầu tư và phát triển Giáo dục Hà Nội	Cùng Tập đoàn	4.140.352.500	-
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Gia Định	Cùng Tập đoàn	2.961.239.800	2.757.202.646
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội	Cùng Tập đoàn	2.024.251.940	4.146.565.765
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Đà Nẵng	Cùng Tập đoàn	2.945.724.000	3.512.765.949
Công ty CP Sách TBGD Miền Bắc	Cùng Tập đoàn	168.416.834	655.259.275
Công ty CP Sách TBGD Miền Trung	Cùng Tập đoàn	320.588.964	21.065.820

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)
 Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mẫu số B 09 – DN

Giao dịch/ số dư	Mối quan hệ	Năm 2018 (VND)	Năm 2017 (VND)
Công ty CP Sách TBGD Cửu Long	Cùng Tập đoàn	297.369.760	485.919.592
Công ty CP Mỹ Thuật và Truyền thông	Cùng Tập đoàn	30.643.760	-
Công ty CP Đầu tư và Phát triển giáo dục Đà Nẵng	Cùng Tập đoàn	-	2.561.600.460
Công ty CP Đầu tư và Phát triển công nghệ Văn Lang	Cùng Tập đoàn	-	108.000.000
Công ty CP Đầu tư và xuất bản giáo dục	Cùng Tập đoàn	-	7.563.443.851
Phải thu ngắn hạn của khách hàng		2.998.853.520	2.518.646.303
Công ty CP Sách và TBGD Bình Dương	Công ty liên kết	2.545.586.015	1.722.007.877
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP Hồ Chí Minh	Cùng Tập đoàn	190.610.722	209.451.178
Công ty CP Sách TBGD Miền Bắc	Cùng Tập đoàn	87.502.623	-
Công ty CP Thiết bị Giáo dục 2	Cùng Tập đoàn	175.154.160	195.923.844
Công ty Cổ phần Sách - Thiết bị Bến Tre	Cùng Tập đoàn	-	4.692.368
Công Ty Cổ Phần Sách và Thiết Bị Trường Học Tiền Giang	Cùng Tập đoàn	-	315.119.492
Công ty Cổ Phần Đầu Tư và Phát Triển Giáo Dục Phương Nam	Cùng Tập đoàn	-	21.343.159
Công ty Cổ Phần Sách và Thiết Bị Giáo Dục Cửu Long	Cùng Tập đoàn	-	34.878.400
Công ty Cổ Phần Sách Dân Tộc	Cùng Tập đoàn	-	15.229.985
Trả trước cho người bán		464.302.930	7.700.400
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát Triển Giáo Dục Đà Nẵng	Cùng Tập đoàn	464.302.930	-
Công ty Cổ Phần Sách Giáo Dục tại TP Đà Nẵng	Cùng Tập đoàn	-	7.700.400
Phải trả cho người bán ngắn hạn		9.442.805.550	15.822.751.893
Nhà xuất bản giáo dục tại TP Hồ Chí Minh	Cùng Tập đoàn	3.161.249.083	10.651.988.886
Công ty CP Học Liệu	Cùng Tập đoàn	13.321.614	17.591.200
Công ty CP Sách và TBTH TP Hồ Chí Minh	Cùng Tập đoàn	694.652.832	586.871.731
Công ty CP Đầu tư và phát triển Giáo dục Phương Nam	Cùng Tập đoàn	102.711	-
Công ty CP Sách Dân tộc	Cùng Tập đoàn	89.267.095	15.229.985
Công ty CP Đầu tư và phát triển Giáo dục Hà Nội	Cùng Tập đoàn	1.737.111.280	387.103.340
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Gia Định	Cùng Tập đoàn	308.613.000	-
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội	Cùng Tập đoàn	2.686.214.002	2.637.507.022
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Đà Nẵng	Cùng Tập đoàn	752.273.933	1.098.995.729
Công ty CP Sách giáo dục tại Hà Nội	Cùng Tập đoàn	-	427.464.000



CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH VÀ THIẾT BỊ GIÁO DỤC MIỀN NAM

Địa chỉ: 231 Nguyễn Văn Cừ, Phường 4, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mẫu số B 09 – DN

Giao dịch/ số dư	Mối quan hệ	Năm 2018 (VND)	Năm 2017 (VND)
Người mua trả tiền trước		609.589.743	218.535.713
Công ty CP Sách TBTH Bà Rịa - Vũng Tàu	Công ty liên kết	496.720.597	218.535.558
Công ty CP Sách và TBTH Bình Thuận	Cùng Tập đoàn	19.175.472	155
Công ty CP Sách TBGD Miền Trung	Cùng Tập đoàn	1.350.000	-
Công ty CP Sách TBTH Bến Tre	Cùng Tập đoàn	72.343.901	-
Công ty CP Sách TBTH Tiền Giang	Cùng Tập đoàn	19.999.773	-
Phải thu khác		14.814.913.266	15.028.363.542
Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam - Dự án Mai Thị Lựu	Công ty mẹ	14.814.913.266	15.028.363.542

7.4 Các khoản bất thường và sự kiện phát sinh sau niên độ

Đến ngày lập Báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc cho rằng không có sự kiện nào khác có thể làm cho các số liệu và thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính đã kiểm toán của Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam bị phản ánh sai lệch.

7.5 Thông tin so sánh

Số liệu dùng để so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty Kiểm toán AAC.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 3 năm 2019

NGƯỜI LẬP BIỂU



Huỳnh Thị Mỹ Duyên

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Nguyễn Mai Hoa

TỔNG GIÁM ĐỐC



Đỗ Thị Mai Anh

